

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS - ST
Ngày 27/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Văn Tiên;

2/ Ông Hoàng Văn Hoạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLHS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Luân Đoạn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 3 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Luân Thành Ch và bà: Lương Thị C; có vợ là Hoàng Thị Lan Ph; có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 13/3/2019, bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản với mức phạt là 1.500.000 đồng nhưng đến nay Luân Đoạn T chưa nộp phạt).

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh Trần Văn H; sinh năm 1988; trú tại thôn Qu, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hoàng Thị L; sinh năm 1995; trú tại thôn Qu, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 21/4/2020, Luân Đoàn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius BKS 97F5-75xx đi từ nhà ở xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn xuống thành phố B uống thuốc Methadone. Sau khi uống thuốc xong, T đi lên công trình xây dựng mà T đang làm thuê tại tổ 13, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để làm phụ xây. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày thì T nghỉ trưa và cùng mọi người ăn cơm tại công trình xây dựng. Sau khi ăn cơm xong, T cùng mọi người nghỉ trưa tại ngôi nhà đang xây nhưng do không ngủ được nên T đi ra ngoài xuống chỗ để xe mô tô cách công trình đang xây khoảng 40m với mục đích để đi uống nước. Trên đường xuống chỗ để xe, T thấy ở dọc đường có một đoạn dây thép loại 03mm, dài khoảng 15cm đến 20cm, một đầu có hình cong kiểu móc câu, T liền nảy sinh ý định lấy đoạn dây thép này để mở cốp xe mô tô của người khác xem có tài sản gì thì trộm cắp nên T liền nhặt lấy đoạn dây thép này mang theo. Khi ra đến chỗ để xe, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1-455.xx của anh Trần Văn H, sinh ngày 17/11/1988, trú tại thôn Qu, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (là cai xây dựng công trình mà T đang làm) dựng gần xe mô tô của T. Quan sát xung quanh không thấy có người, T đã sử dụng đoạn dây thép nói trên để mở khóa yên xe mô tô của anh H. Khi mở được yên xe thì thấy trong cốp xe có một chiếc ví da màu đen, T cầm chiếc ví lên và mở ra xem thì thấy trong ví có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), T đã đếm và rút tiền trong ví lấy 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) được tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), số tiền còn lại T không đếm và vẫn để trong ví rồi đặt vào trong cốp xe, đóng yên xe lại như lúc đầu. Sau đó, T cầm tiền trên tay cùng với đoạn dây thép và lấy xe mô tô BKS 97F5-7571 thả trôi dốc một đoạn, đến đường Quốc lộ 3 thì T vứt đoạn dây thép xuống đường và cho tiền vào túi quần, nổ xe mô tô đi xuống trung tâm thành phố B rồi tiêu xài cá nhân hết tổng số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), số tiền còn lại T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi bị triệu tập lên làm việc.

Sau khi phát hiện bị mất số tiền 5.000.000 đồng để trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1-455.xx của mình, cùng ngày 21/4/2020 anh Trần Văn H đã đến Cơ quan Công an trình báo và xác nhận có nghi ngờ Luân Đoàn T là người đã trộm cắp số tiền trên.

Quá trình điều tra, truy tố, Luân Đoàn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại anh Trần Văn H, người có quyền lợi liên quan chị Hoàng Thị L, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản kiểm tra hình ảnh cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Luân Đoàn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền 5.000.000đ do T trộm cắp cho anh Trần Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT - VKSTPBK ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Luân Đoàn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Luân Đoàn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Luân Đoàn T từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Luân Đoàn T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 5.000.000đ do T trộm cắp cho anh Trần Văn H. Tại phiên tòa bị hại vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Luân Đoàn T số tiền 3.958.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Luân Đoàn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, bị cáo không có ý kiến gì.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn nêu rõ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân

sự. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi , quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Luân Đoàn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Vào khoảng 12 giờ ngày 21/4/2020, tại tổ 13, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Luân Đoàn T đã có hành vi lén lút sử dụng một đoạn dây thép loại 03mm, dài khoảng 15 đến 20cm, một đầu có hình cong kiểu móc câu để mở yên xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B1- 455.xx của anh Trần Văn H, sinh năm 1988, trú tại thôn Qu, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn rồi chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) của anh H để trong ví đặt trong cốp xe. Sau khi trộm cắp được tiền, T đã chi tiêu cá nhân hết 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), còn lại 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 16/10/2014 bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm các quy định về khai thác tài nguyên; ngày 13/3/2019, bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản nhưng đến nay Luân Đoạn T chưa nộp phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Luân Thành Ch được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, Huy chương kháng chiến hạng nhì và người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do vậy bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã, bản thân bị cáo không có tài sản riêng do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn xác nhận bị cáo Luân Đoạn T đã bồi thường toàn bộ số tiền 5.000.000đ, nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo số tiền 3.958.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng), trong đó có 3.900.000đ là số tiền còn lại sau khi T trộm cắp và tiêu xài cá nhân, còn lại 58.000đ là tiền của T có trước khi trộm cắp. Xét thấy bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 5.000.000đ cho người bị hại do vậy cần trả lại số tiền 3.958.000đ cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã và đã có đơn xin miễn án phí do vậy cần miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Luân Đoàn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Luân Đoàn T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Luân Đoàn T số tiền 3.958.000đ (Ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Luân Đoàn T.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

